

Số: 228/QĐ-CAT-TM

Bắc Giang, ngày 24 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được cắt giảm thời hạn giải quyết thuộc thẩm quyền của Công an tỉnh

GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 41/2018/TT-BCA ngày 25/12/2018 của Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 4103/QĐ-BCA ngày 09/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Công an về cơ cấu, tổ chức, bộ máy của Công an tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Kế hoạch số 375/KH-CAT-PV01 ngày 16/12/2022 của Công an tỉnh về thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm nâng Chỉ số cải cách hành chính của Công an tỉnh năm 2023;

Xét đề nghị của đồng chí Trưởng phòng Tham mưu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố Danh mục thủ tục hành chính được cắt giảm thời hạn giải quyết so với quy định hiện hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Công an tỉnh; tổng số thủ tục hành chính được cắt giảm thời hạn giải quyết: 41, tổng thời gian cắt giảm 99,5/261 ngày, tỉ lệ cắt giảm 38,1%, cụ thể:

1. Cấp tỉnh: Cắt giảm thời hạn giải quyết 26 TTHC, tổng thời gian cắt giảm 78,5/205 ngày, tỉ lệ cắt giảm 38,3%.

2. Cấp huyện: Cắt giảm thời hạn giải quyết 07 TTHC, tổng thời gian cắt giảm 12/29 ngày, tỉ lệ cắt giảm 41,4%.

3. Cấp xã: Cắt giảm thời hạn giải quyết 08 TTHC, tổng thời gian cắt giảm 9/27 ngày, tỉ lệ cắt giảm 32,76%.

(có danh mục chi tiết kèm theo)

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 194/QĐ-CAT-TM ngày 23/6/2022 của Giám đốc Công an tỉnh về


việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được cắt giảm thời hạn giải quyết thuộc thẩm quyền của Công an tỉnh.

Điều 3: Đồng chí Trưởng phòng Tham mưu, Trưởng các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ giải quyết thủ tục hành chính và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để t/hiện);
- Văn phòng BCA;
- Cục PC&CCHC, TP - BCA; (để b/cáo)
- Chủ tịch UBND tỉnh; (để t/dối)
- Văn phòng UBND tỉnh; (để t/dối)
- Sở Nội vụ;
- Các đ/c PGĐ (để p/hợp c/đạo);
- Lưu: VT, TM (PC&QLKH).

GIÁM ĐỐC



Đại tá Nguyễn Quốc Toàn

PHỤ LỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CẮT GIẢM THỜI HẠN GIẢI QUYẾT
THUỘC THẨM QUYỀN CỦA CÁC PHÒNG NGHIỆP VỤ, CÔNG AN
CẤP HUYỆN VÀ CÔNG AN CẤP XÃ THUỘC CÔNG AN TỈNH
(Kèm theo Quyết định số 228 /QĐ-CAT-TM ngày 24 tháng 5 năm 2023
của Giám đốc Công an tỉnh Bắc Giang)

1. Nội dung đơn giản hóa: Cắt giảm thời hạn giải quyết 41 thủ tục hành chính (TTHC) thuộc thẩm quyền giải quyết của các phòng nghiệp vụ, Công an cấp huyện và Công an cấp xã.

2. Kiến nghị thực thi: Triển khai ngay khi Quyết định được ban hành.

3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết TTHC, giảm chi phí, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

4. Tỷ lệ cắt giảm thời hạn giải quyết

- TTHC cắt giảm cao nhất đạt 60%;
- TTHC cắt giảm thấp nhất đạt 10%;
- Tỷ lệ cắt giảm trung bình đạt 38,1%.

5. TTHC cắt giảm thời hạn thực hiện

STT	Tên lĩnh vực, TTHC	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)			Tỷ lệ cắt giảm
		Theo quy định	Số ngày cắt giảm	Thời hạn sau cắt giảm	
PHẦN I: THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TẠI CÔNG AN TỈNH					
LĨNH VỰC QUẢN LÝ XUẤT, NHẬP CẢNH					
1	Cấp thẻ tạm trú cho người nước ngoài tại Việt Nam	5	1	4	20%
2	Cấp thị thực cho người nước ngoài tại Việt Nam	5	1	4	20%
3	Gia hạn tạm trú cho người nước ngoài tại Việt Nam	5	1	4	20%
LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ CON DẤU					
4	Đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu	3	1	2	33%

LĨNH VỰC QUẢN LÝ NGÀNH, NGHỀ ĐẦU TƯ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN VỀ AN NINH, TRẬT TỰ					
5	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự	5	3	2	60%
6	Cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự	4	2	2	50%
7	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự	4	2	2	50%
LĨNH VỰC QUẢN LÝ VŨ KHÍ, VẬT LIỆU NỔ, CÔNG CỤ HỖ TRỢ VÀ PHÁO					
8	Cấp Giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng tại Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	10	5	5	50%
9	Cấp đổi Giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng tại Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	10	5	5	50%
10	Cấp lại Giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng tại Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	10	5	5	50%
11	Cấp Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp tại Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	5	2	3	40%
12	Cấp Giấy phép trang bị công cụ hỗ trợ tại Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	10	5	5	50%
13	Cấp Giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ tại Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	10	5	5	50%
14	Cấp Giấy xác nhận đăng ký công cụ hỗ trợ tại Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	10	5	5	50%
15	Cấp đổi Giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ tại Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	10	5	5	50%
16	Cấp lại Giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ tại Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	10	5	5	50%
LĨNH VỰC PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY					
17	Thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy:				
	- Thiết kế cơ sở đối với dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A	10	1	9	10%
	- Thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công đối với dự án, công trình quan trọng quốc gia, dự án, công trình nhóm A	15	5	10	33%
	- Thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công đối với các dự án, công trình còn lại	10	1	9	10%
	- Thiết kế kỹ thuật phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy	10	3	7	30%
18	Cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy	7	1	6	14%

19	Cấp đổi giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy	7	3	4	43%
20	Cấp lại giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy	7	3	4	43%
21	Cấp đổi giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy	5	2	3	40%
22	Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy	5	2	3	40%
23	Phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở	7	2	5	29%
LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ					
24	Đăng ký, cấp biển số xe lần đầu	2	1	1	50%
25	Đăng ký sang tên trong cùng tỉnh	2	1	1	50%
26	Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe (trừ trường hợp giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe bị mất)	2	0,5	1,5	25%
PHẦN II: THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TẠI CÔNG AN CẤP HUYỆN					
LĨNH VỰC QUẢN LÝ NGÀNH, NGHỀ ĐẦU TƯ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN VỀ AN NINH, TRẬT TỰ					
27	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự	5	3	2	60%
28	Cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự	4	2	2	50%
29	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự	4	2	2	50%
LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ					
30	Đăng ký, cấp biển số xe lần đầu	2	1	1	50%
31	Đăng ký sang tên trong điểm đăng ký tại Công an cấp huyện	2	1	1	50%
LĨNH VỰC PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY					
32	Phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở	7	2	5	29%
33	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ thuộc loại 1, loại 2, loại 3, loại 4 và loại 9 bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, trên đường thủy nội địa (trừ vật liệu nổ công nghiệp)	5	1	4	20%
PHẦN III: THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TẠI CÔNG AN CẤP XÃ					
LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ CƯ TRÚ					
34	Tách hộ	5	1	4	20%

35	Điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú	3	1	2	33%
36	Đăng ký thường trú	7	2	5	29%
37	Đăng ký tạm trú	3	1	2	33%
38	Gia hạn tạm trú	3	1	2	33%
39	Xóa đăng ký tạm trú	2	1	1	50%
LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ					
40	Đăng ký, cấp biển số xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) lần đầu tại Công an cấp xã được phân cấp đăng ký xe	2	1	1	50%
41	Đăng ký sang tên xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) trong điểm đăng ký tại Công an cấp xã được phân cấp đăng ký xe	2	1	1	50%
	Tổng	261	99,5	161,5	38%